

Số: /2022/QĐ-TTg Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**  
Ngày 12/9/2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Quy định về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;*

*Căn cứ Nghị định số 177/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Quyết định này quy định về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân.
- Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực và sử dụng điện.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giá bán lẻ điện bình quân* là mức giá bán lẻ điện bình quân trong phạm vi khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân do Thủ tướng Chính phủ quy định.
2. *Bên mua điện* là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng công ty Điện lực.
3. *Bên bán điện* là các đơn vị phát điện, cá nhân có ký hợp đồng mua bán điện với Bên mua điện.
4. *Giá bán lẻ điện bình quân hiện hành* là mức giá bán lẻ điện bình quân đang áp dụng tại thời điểm xem xét điều chỉnh giá điện.
5. *Năm N* là năm giá bán lẻ điện bình quân được xây dựng theo quy định tại Quyết định này.
6. *Khung giá* là khoảng cách giữa mức giá tối thiểu và mức giá tối đa của mức giá bán lẻ điện bình quân do Thủ tướng Chính phủ quy định.

### **Điều 3. Nguyên tắc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân**

1. Sau khi có Báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh điện năm *N-1* của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, giá bán lẻ điện bình quân năm *N* được xem xét, điều chỉnh theo biến động khách quan thông số đầu vào của tất cả các khâu (phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều hành - quản lý ngành và cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện).
2. Khi các thông số đầu vào theo quy định tại Khoản 1 Điều này biến động làm giá bán lẻ điện bình quân giảm so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành thì giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh giảm.
3. Khi các thông số đầu vào theo quy định tại Khoản 1 Điều này biến động làm giá bán lẻ điện bình quân tăng từ 1% trở lên so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành thì giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh tăng.
4. Cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân được quy định chi tiết tại Điều 5 Quyết định này. Trường hợp thực hiện hỗ trợ giảm tiền điện thì áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 7 Quyết định này.
5. Việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân phải thực hiện công khai, minh bạch.

### **Điều 4. Phương pháp lập giá bán lẻ điện bình quân hằng năm**

1. Giá bán lẻ điện bình quân hằng năm được lập trên cơ sở chi phí của các khâu phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều hành - quản lý ngành và cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, chi phí khác được phân bổ và chỉ bao gồm những chi phí phục vụ trực tiếp cho việc sản xuất, cung ứng điện của năm *N* và lợi nhuận định mức của Tập đoàn Điện lực Việt Nam để đảm bảo

khả năng vận hành, cung ứng điện và đáp ứng nhu cầu đầu tư theo kế hoạch được duyệt.

2. Giá bán lẻ điện bình quân năm  $N$  ( $G_{BQ}$ ) được xác định theo công thức sau:

$$G_{BQ} = \frac{C_{PD} + C_{TT} + C_{PP-BL} + C_{chung} + C_{DVPT} - GT + LN}{A_{TP}} + \frac{C_{khác}}{A_{TP}} - \frac{\Delta DC_{N-1}}{A_{TP}}$$

Trong đó:

a)  $C_{PD}$ : Tổng chi phí khâu phát điện năm  $N$  (đồng), được xác định theo công thức sau:

$$C_{PD} = C_{MD} + C_{DMT} + C_{NK}$$

Trong đó:

$C_{MD}$ : Tổng chi phí mua điện năm  $N$  (đồng) của các nhà máy điện có ký hợp đồng mua bán điện;

$C_{DMT}$ : Tổng chi phí năm  $N$  của các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu và hạch toán phụ thuộc không tham gia thị trường điện (đồng);

$C_{NK}$ : Tổng chi phí nhập khâu điện năm  $N$  (đồng);

b)  $C_{TT}$ : Tổng chi phí khâu truyền tải điện năm  $N$  (đồng);

c)  $C_{PP-BL}$ : Tổng chi phí khâu phân phối - bán lẻ điện năm  $N$  (đồng);

d)  $C_{chung}$ : Tổng chi phí điều hành - quản lý ngành năm  $N$  (đồng), bao gồm cả chi phí điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, chi phí điều tiết thị trường điện lực;

đ)  $C_{DVPT}$ : Tổng chi phí các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện năm  $N$  (đồng);

e)  $GT$ : Các khoản giảm trừ doanh thu được đơn vị kiểm toán độc lập xác nhận trong Báo cáo tài chính năm  $N-1$  của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Tổng Công ty Điện lực, Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia, bao gồm các khoản thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, vật tư thu hồi, thu nhập từ hoạt động cho thuê cột điện, lãi tiền gửi ngân hàng, phí hợp đồng cho vay lại;

g)  $LN$ : Lợi nhuận định mức cho sản xuất kinh doanh điện năm  $N$  của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xác định căn cứ tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và giá trị vốn chủ sở hữu cho sản xuất kinh doanh điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Báo cáo tài chính năm  $N-1$  đã được kiểm toán (đồng);

h)  $C_{khác}$ : Chênh lệch tỷ giá thực hiện theo hợp đồng mua bán điện của các đơn vị phát điện, chênh lệch tỷ giá của các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu và hạch toán phụ thuộc không tham gia thị trường điện, chênh lệch tỷ giá của các đơn vị thuộc khâu điều hành-quản lý ngành và các chi phí khác cho hoạt

động sản xuất kinh doanh điện mà đơn vị điện lực phải chi trả theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được tính toán phân bổ vào giá bán lẻ điện bình quân năm  $N$  (đồng);

i)  $A_{TP}$ : Tổng sản lượng điện thương phẩm dự kiến cho năm  $N$  (kWh), xác định trên cơ sở thực hiện 6 tháng đầu năm  $N$ , dự kiến 6 tháng cuối năm  $N$ , không bao gồm sản lượng điện xuất khẩu;

k)  $\Delta DC_{N-1}$ : Khoản điều chỉnh vào giá bán lẻ điện bình quân năm  $N$  (đồng) của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được xác định theo công thức sau:

$$\Delta DC_{N-1} = \left( \frac{CPSX_{PAG}}{A_{TP,PAG}} - \frac{CPSX_{N-1}}{A_{TP,TT,N-1}} \right) \times A_{TP,TT,N-1}$$

Trong đó:

$CPSX_{PAG}$ : Tổng chi phí khâu phát điện, khâu truyền tải điện, khâu phân phối - bán lẻ điện, khâu điều hành - quản lý ngành, các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, chi phí khác trong phương án giá bán lẻ điện bình quân áp dụng tại ngày 01 tháng 10 năm  $N-1$  (đồng);

$CPSX_{N-1}$ : Tổng chi phí khâu phát điện, khâu truyền tải điện, khâu phân phối - bán lẻ điện, khâu điều hành - quản lý ngành, các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, chi phí khác thực tế năm  $N-1$  theo kết quả kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này (đồng);

$A_{TP,TT,N-1}$ : Tổng sản lượng điện thương phẩm thực tế năm  $N-1$  (kWh);

3. Tổng chi phí khâu phát điện và các khâu truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều hành - quản lý ngành và cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện năm  $N$  được xác định theo các quy định hiện hành của pháp luật. Các chi phí đưa vào tính toán giá bán lẻ điện bình quân được cập nhật theo số liệu thực hiện đến hết tháng 6 và dự kiến cho 06 tháng còn lại của năm. Đối với chi phí mua điện dự kiến 06 tháng còn lại của năm  $N$  được xác định theo giá điện quy định tại các hợp đồng mua bán điện ký kết giữa Bên bán điện và Bên mua điện và sản lượng điện kế hoạch 06 tháng cuối năm theo tính toán tại phương thức vận hành hệ thống điện tháng 7 năm  $N$ . Các thông số đầu vào, số liệu xây dựng phương án giá bán lẻ điện bình quân hằng năm được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 5. Cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân**

1. Trước ngày 01 tháng 8 năm  $N$ , trên cơ sở kết quả kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện năm  $N-1$  theo quy định tại Điều 6 Quyết định này, số liệu chi phí và sản lượng điện thương phẩm ước thực hiện 6 tháng đầu năm  $N$ , dự kiến 6 tháng cuối năm  $N$ , Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính toán giá bán lẻ điện

bình quân cho năm  $N$  theo công thức quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

2. Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân tính toán theo quy định tại Khoản 1 Điều này giảm so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm giảm giá bán lẻ điện bình quân ở mức tương ứng nhưng không thấp hơn mức giá tối thiểu của khung giá và điều chỉnh giảm giá bán lẻ điện cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện theo quy định hiện hành về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện. Sau khi điều chỉnh giảm, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp để kiểm tra, giám sát.

3. Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân tính toán theo quy định tại Khoản 1 Điều này tăng từ 1% đến dưới 5% so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành và trong khung giá, Tập đoàn Điện lực Việt Nam quyết định điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân ở mức tương ứng và tăng giá bán lẻ điện cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện theo quy định hiện hành về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện. Sau khi điều chỉnh, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp để kiểm tra, giám sát.

4. Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân tính toán theo quy định tại Khoản 1 Điều này tăng từ 5% đến dưới 10% so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành và trong khung giá, Tập đoàn Điện lực Việt Nam lập hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân trình Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp kiểm tra, rà soát và có ý kiến đối với phương án giá bán lẻ điện bình quân do Tập đoàn Điện lực Việt Nam trình. Căn cứ ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam quyết định điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân và tăng giá bán lẻ điện cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện theo quy định hiện hành về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện kể từ ngày 01 tháng 10 năm  $N$ .

5. Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân tính toán theo quy định tại Khoản 1 Điều này tăng từ 10% trở lên so với giá bán lẻ điện bình quân hiện hành hoặc ngoài khung giá hoặc ảnh hưởng đến tình hình kinh tế vĩ mô, Tập đoàn Điện lực Việt Nam lập hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân trình Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp kiểm tra, rà soát, báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá trước ngày 01 tháng 9 năm  $N$  để Ban Chỉ đạo điều hành giá cho ý kiến. Trước ngày 15 tháng 9 năm  $N$ , Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với

Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoàn chỉnh báo cáo rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân theo ý kiến của Ban Chỉ đạo điều hành giá, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến để Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân từ ngày 01 tháng 10 năm *N*.

#### 6. Trình tự điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân

a) Trường hợp giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân từ ngày 01 tháng 10 năm *N* và gửi báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại Khoản 4 Điều này:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm gửi Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân theo thời gian, phương pháp quy định tại Khoản 1 Điều này và Điều 4 Quyết định này.

- Trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ phương án giá bán lẻ điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tổ chức kiểm tra, rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trường hợp hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân không hợp lệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Quyết định này, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm hoàn chỉnh, bổ sung trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Bộ Công Thương.

- Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định về phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trên cơ sở ý kiến phối hợp của Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Công Thương có ý kiến bằng văn bản về kết quả rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân để Tập đoàn Điện lực Việt Nam quyết định thực hiện việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân từ ngày 01 tháng 10 năm *N*.

- Trước ngày 25 tháng 9 năm *N*, nếu Bộ Công Thương không có ý kiến bằng văn bản về phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam được phép điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân bằng mức 5% nếu giá bán lẻ điện bình quân Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính toán nằm trong khung giá hoặc bằng mức giá tối đa của khung giá nếu giá bán lẻ điện bình quân Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính toán thấp hơn 5% nhưng nằm ngoài khung giá. Việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại Khoản này không trái với quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết

định này. Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh giá bán lẻ điện cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện kể từ ngày 01 tháng 10 năm *N* theo mức giá bán lẻ điện bình quân điều chỉnh quy định tại Khoản này và theo quy định hiện hành về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

c) Trường hợp điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại Khoản 5 Điều này:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm gửi Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân theo thời gian, phương pháp quy định tại Khoản 1 Điều này và Điều 4 Quyết định này.

- Trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ phương án giá bán lẻ điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tổ chức kiểm tra, rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trường hợp hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân không hợp lệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Quyết định này, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm hoàn chỉnh, bổ sung trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Bộ Công Thương.

- Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Công Thương có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá kết quả rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân.

- Trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được báo cáo rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân của Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo điều hành giá có ý kiến bằng văn bản.

- Trong thời hạn 05 ngày tính từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Ban Chỉ đạo điều hành giá, Bộ Công Thương có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến bằng văn bản để Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân từ ngày 01 tháng 10 năm *N*.

Trường hợp Ban Chỉ đạo điều hành giá không có ý kiến trong thời hạn nêu trên, Bộ Công Thương có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân.

Trước ngày 25 tháng 9 năm *N*, nếu cơ quan, người có thẩm quyền không có ý kiến bằng văn bản về báo cáo rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân của Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam được phép điều chỉnh tăng giá bán lẻ điện bình quân bằng mức 5% nếu giá bán lẻ điện bình quân Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính toán nằm trong khung giá hoặc bằng mức giá tối đa của

khung giá nếu giá bán lẻ điện bình quân Tập đoàn Điện lực Việt Nam tính toán thấp hơn 5% nhưng nằm ngoài khung giá. Việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại Khoản này không trái với quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này. Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh giá bán lẻ điện cho từng nhóm khách hàng sử dụng điện kể từ ngày 01 tháng 10 năm *N* theo mức giá bán lẻ điện bình quân điều chỉnh quy định tại Khoản này và theo quy định hiện hành về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

## **Điều 6. Kiểm tra, giám sát**

### **1. Kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện hằng năm**

a) Trước ngày 01 tháng 5 hằng năm, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm gửi Bộ Công Thương Báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh điện của năm *N-1* đã được kiểm toán do đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện. Căn cứ Báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh điện, báo cáo tài chính năm *N-1* của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên đã được kiểm toán độc lập, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện của năm *N-1*, với sự tham gia của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các cơ quan Nhà nước và các hiệp hội có liên quan. Bộ Công Thương được mời tư vấn độc lập để thẩm tra Báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên;

b) Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm, Bộ Công Thương chủ trì họp báo công bố công khai kết quả kiểm tra. Kết quả kiểm tra được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Cục Điều tiết điện lực;

c) Các nội dung kiểm tra, giám sát và công bố công khai bao gồm:

- Chi phí thực tế thực hiện các khâu phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều hành - quản lý ngành và cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện và các chi phí khác quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quyết định này;

- Giá bán lẻ điện bình quân thực hiện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

- Kết quả kinh doanh lỗ, lãi về hoạt động sản xuất kinh doanh điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

- Các chi phí chưa được tính vào giá điện từ lần điều chỉnh gần nhất nhưng được hạch toán vào giá thành sản xuất kinh doanh điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

- Các chi phí chưa được tính vào giá thành sản xuất kinh doanh điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

d) Các chi phí khác bao gồm cả chênh lệch tỷ giá đánh giá lại chưa được tính vào giá điện các năm trước nhưng được đưa vào giá thành sản xuất kinh doanh điện và các chi phí chưa được tính vào giá thành sản xuất kinh doanh điện



của Tập đoàn Điện lực Việt Nam phải được kiểm toán do kiểm toán độc lập thực hiện và lập thành báo cáo kiểm toán riêng để làm cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát.

## 2. Kiểm tra điều chỉnh giá điện

a) Trường hợp Tập đoàn Điện lực Việt Nam quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 5 Quyết định này, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp xem xét kiểm tra các báo cáo, tính toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

b) Trường hợp phát hiện có sai sót trong kết quả tính toán giá điện, Bộ Công Thương có trách nhiệm yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam dừng điều chỉnh hoặc điều chỉnh lại giá bán lẻ điện bình quân. Trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận được văn bản của Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thực hiện dừng điều chỉnh hoặc điều chỉnh lại giá bán lẻ điện bình quân.

Trường hợp vi phạm quy định về điều chỉnh, tính toán giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại Điểm b Khoản này được xử lý theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP hoặc các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

## **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

### 1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn bằng văn bản hành chính những vướng mắc (nếu có) của Tập đoàn Điện lực Việt Nam khi thực hiện tính toán giá bán lẻ điện bình quân hằng năm theo quy định tại Quyết định này;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện việc kiểm tra, rà soát hồ sơ phương án điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại Điều 5 Quyết định này;

c) Có ý kiến bằng văn bản gửi Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân trên cơ sở tổng hợp ý kiến của Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 5 Quyết định này;

d) Tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá kết quả rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 5 Quyết định này;

đ) Hoàn chỉnh báo cáo rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân theo ý kiến của Ban Chỉ đạo điều hành giá, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến bằng văn bản về việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 5 Quyết định này;

e) Chủ trì kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

2. Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện Quyết định này, cụ thể:

a) Tham gia họp rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân hằng năm theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều 5 Quyết định này;

b) Có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Công Thương về phương án giá bán lẻ điện bình quân hằng năm theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều 5 Quyết định này;

c) Tham gia báo cáo Ban Chỉ đạo điều hành giá, Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát phương án giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 5 Quyết định này;

d) Phối hợp kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

3. Tổng cục thống kê có trách nhiệm đánh giá tác động của việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân đến các chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá sản xuất (PPI) và tổng sản phẩm quốc nội (GDP).

4. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm:

a) Thực hiện tính toán giá bán lẻ điện bình quân và gửi 03 bộ hồ sơ báo cáo phương án giá bán lẻ điện bình quân tới Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định và hướng dẫn tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quyết định này;

b) Quyết định và thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quyết định này;

c) Hoàn chỉnh, bổ sung hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều 5 Quyết định này;

d) Cung cấp các số liệu có liên quan để Tổng cục thống kê đánh giá tác động của việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân đến CPI, PPI và GDP;

đ) Gửi Báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh điện theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

5. Hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

a) Công văn báo cáo về phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong đó bao gồm các nội dung: Phân tích, đánh giá tình hình chi phí sản xuất kinh doanh điện các khâu năm *N-1*, số liệu thực hiện 6

tháng đầu năm  $N$ , số liệu dự kiến 6 tháng cuối năm  $N$ ; đánh giá sự biến động các thông số đầu vào của giá bán lẻ điện bình quân hiện hành, biến động các thông số đầu vào từ đầu năm đến thời điểm báo cáo.

b) Các nội dung kèm theo Công văn báo cáo phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

- Nguyên tắc tính toán chi phí từng khâu, trong đó có nguyên tắc dự kiến các thông số đầu vào như tỷ giá ngoại tệ, giá nhiên liệu trong nước và giá nhiên liệu nhập khẩu, giá các nhà máy điện dự kiến đưa vào vận hành trong năm tính toán nhưng chưa có hợp đồng mua bán điện, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh điện của các khâu truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều hành - quản lý ngành và cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện;

- Bảng tổng hợp kết quả tính toán chi phí từng khâu;

- Bảng chi tiết số liệu tính toán chi phí từng khâu;

- Các tài liệu, văn bản sử dụng làm căn cứ, cơ sở trong việc tính toán;

- Thuyết minh, phân tích các định mức chi phí và các đơn giá được sử dụng trong tính toán chi phí dự kiến năm  $N$  của các khâu;

- Thuyết minh các chi phí sản xuất kinh doanh điện chưa được tính vào giá bán điện nhưng đã được phân bổ vào giá thành sản xuất kinh doanh điện và số dư còn lại dự kiến phân bổ vào giá bán điện bình quân năm  $N$ ;

- Cung cấp báo cáo tài chính được kiểm toán 6 tháng đầu năm  $N$  (nếu có) của Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, các Tổng công ty Điện lực;

- Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của việc tăng giá điện đến chi phí mua điện của khách hàng sử dụng điện.

c) Toàn bộ hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân được lưu vào USB và có niêm phong, gửi kèm theo Công văn báo cáo về phương án giá bán lẻ điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5. Trường hợp Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng phương án hỗ trợ giảm tiền điện:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam xây dựng phương án hỗ trợ giảm tiền điện theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và trình Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp kiểm tra phương án hỗ trợ giảm tiền điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ ý kiến bằng văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương hướng dẫn Tập đoàn Điện lực Việt Nam bằng văn bản hành chính để thực hiện hỗ trợ giảm tiền điện.

### **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2022, thay thế Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). XH

**Phạm Minh Chính**

## PHỤ LỤC

### Hướng dẫn xây dựng phương án giá bán lẻ điện bình quân hằng năm (Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-TTg ngày tháng năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Tổng chi phí khâu phát điện và các khâu truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều hành - quản lý ngành và cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện năm  $N$  được xác định theo các quy định hiện hành của pháp luật. Các chi phí đưa vào tính toán giá bán lẻ điện bình quân được cập nhật đến hết tháng 6 và dự kiến cho 06 tháng còn lại của năm  $N$ . Chi phí dự kiến 06 tháng còn lại năm  $N$  của các khâu được xác định như sau:

#### I. Chi phí phát điện

1. Chi phí mua điện dự kiến 6 tháng còn lại năm  $N$  từ các nhà máy điện công suất lớn hơn 30 MW và nhập khẩu được tính toán trên cơ sở:

- Về sản lượng điện: theo tính toán tại phương thức vận hành hệ thống điện tháng 7 năm  $N$  hoặc ước sản lượng điện 6 tháng cuối năm  $N$ .

- Giá nhiên liệu: theo bình quân 6 tháng đầu năm  $N$ .

- Tỷ giá ngoại tệ: căn cứ bình quân thực tế tỷ giá bán ra theo ngày của 6 tháng đầu năm  $N$  do Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính công bố.

- Giá điện của các nhà máy điện, nhà máy điện của EVN bán điện trực tiếp cho các Tổng công ty điện lực và nhập khẩu, nguyên tắc chung: thực hiện theo giá hợp đồng mua bán điện quy định tại hợp đồng mua bán điện với các nhà máy điện và hợp đồng nhập khẩu điện. Các trường hợp khác được thực hiện như sau:

- + Giá điện hết thời hạn hiệu lực mà chưa có giá đàm phán mới thì tạm lấy theo giá điện hiện có tại thời điểm gần nhất.

- + Giá điện các nhà máy thủy điện mới dự kiến đưa vào vận hành 6 tháng cuối năm  $N$  nhưng chưa có phương án giá tính bằng tỷ lệ phần trăm của giá trần thủy điện năm  $N$ , trong đó tỷ lệ phần trăm được xác định bằng bình quân giá điện năm đầu tiên của các nhà máy thủy điện mới đưa vào vận hành thương mại trong giai đoạn 10 năm gần nhất.

- + Các nhà máy thủy điện hiện đang đàm phán có giá điện cao hơn giá trần thì lấy bằng giá trần năm  $N$ , giá điện đang đàm phán có giá thấp hơn giá trần thì lấy theo giá đang đàm phán.

- + Đối với các nhà máy nhiệt điện đang đàm phán giá điện, lấy theo giá đang đàm phán.

+ Các nhà máy nhiệt điện mới dự kiến đưa vào vận hành 6 tháng cuối năm  $N$  nhưng chưa có phương án giá, tạm lấy theo giá điện nhà máy nhiệt điện tương tự.

- Các khoản thuế, phí, tiền phải nộp thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi phí mua điện kế hoạch 6 tháng còn lại năm  $N$  từ các nguồn năng lượng tái tạo, nhà máy thủy điện nhỏ có công suất từ 30 MW trở xuống

- Về sản lượng điện: theo tính toán tại phương thức vận hành hệ thống điện tháng 7 năm  $N$  hoặc ước sản lượng điện 6 tháng cuối năm  $N$ .

- Giá điện từ các nguồn năng lượng tái tạo theo Hợp đồng mua bán điện và các quy định hiện hành.

- Giá chi phí tránh được bình quân 6 tháng cuối năm  $N$  từ các nhà máy thủy điện áp dụng theo cơ chế biểu giá chi phí tránh được: căn cứ tỷ lệ sản lượng điện 6 tháng cuối năm  $N-1$  các nhà máy thủy điện áp dụng theo cơ chế biểu giá chi phí tránh được và biểu giá chi phí tránh được năm  $N$ .

3. Chi phí các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu được xác định theo quy định Thông tư số 26/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xác định chi phí hàng năm và giá điện của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu và các Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sau này.

4. Chi phí tự sản xuất tại các Tổng công ty Điện lực (thủy điện nhỏ, năng lượng tái tạo và phát điện diesel tại huyện đảo) và chi phí các nhà máy điện hạch toán phụ thuộc không tham gia thị trường điện (không bao gồm nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu): được dự kiến căn cứ chi phí thực tế năm  $N-1$  và kế hoạch chi phí cho năm  $N$  như sau:

- Chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác được xác định căn cứ theo định mức do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành; chi phí thực hiện của năm  $N-1$  và các năm trước đó đã được kiểm toán, quyết toán và kiểm tra theo quy định.

- Tổng chi phí tiền lương gồm chi phí tiền lương và các chi phí có tính chất lương, được xác định theo các quy định của pháp luật có liên quan.

- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định được xác định theo quy định hiện hành của pháp luật về thời gian sử dụng và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định.

- Tổng chi phí sửa chữa lớn trong năm được xác định căn cứ định mức do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành; kế hoạch sửa chữa lớn trong năm.

- Tổng chi phí tài chính gồm các chi phí: lãi vay và các khoản phí liên quan dự kiến phải trả trong năm, được xác định theo các hợp đồng tín dụng, tài liệu

vay vốn; chênh lệch tỷ giá dự kiến thực hiện trong năm và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm.

- Các khoản thuế, phí, tiền phải nộp thực hiện theo quy định hiện hành.

## **II. Chi phí truyền tải điện**

Chi phí truyền tải điện được xác định theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện và các Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sau này.

## **III. Chi phí phân phối, bán lẻ điện**

Chi phí dự kiến năm  $N$  của khâu phân phối - bán lẻ điện (không bao gồm chi phí cho tự sản xuất: thủy điện nhỏ, năng lượng tái tạo và phát điện diesel tại huyện đảo do đã được tính toán và xác định trong khâu phát điện) được xác định trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- Chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác, chi phí phát triển khách hàng, chi phí chăm sóc khách hàng và truyền thông, chi phí công tơ và kiểm định công tơ được xác định căn cứ theo định mức do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành; chi phí thực hiện của năm  $N-1$  và các năm trước đó đã được kiểm toán, quyết toán và kiểm tra theo quy định.

- Tổng chi phí tiền lương, tổng chi phí khấu hao tài sản cố định, tổng chi phí sửa chữa lớn, tổng chi phí tài chính được xác định theo quy định tại mục 4 phần I Phụ lục này.

- Chi phí phát điện diesel là chi phí phát điện từ các tổ máy phát điện diesel do Tổng công ty Điện lực sở hữu (chưa được tính ở khâu phát điện).

- Chi phí cấp điện cho huyện đảo, chi phí cấp điện cho đồng bào thiểu số và các chi phí khác liên quan đến hoạt động phân phối điện.

- Các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành lưới phân phối - bán lẻ điện, nâng cao chất lượng cung ứng điện, dịch vụ khách hàng.

- Các khoản thuế, phí, tiền phải nộp thực hiện theo quy định hiện hành.

## **IV. Chi phí điều hành - quản lý ngành**

Chi phí điều hành - quản lý ngành dự kiến năm  $N$  được xác định như sau:

- Chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác được xác định căn cứ theo định mức do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành; chi phí thực hiện của năm  $N-1$  và các năm trước đó đã được kiểm toán, quyết toán và kiểm tra theo quy định.

- Tổng chi phí tiền lương, tổng chi phí khấu hao tài sản cố định, tổng chi phí sửa chữa lớn, tổng chi phí tài chính được xác định theo quy định tại mục 4 phần I Phụ lục này.

- Các khoản thuế, phí, tiền phải nộp thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với chi phí điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, chi phí điều tiết thị trường điện lực: trường hợp có quy định hoặc hướng dẫn cụ thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cách xác định các chi phí này áp dụng theo quy định mới.

#### **V. Chi phí các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện**

Chi phí các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện được xác định theo quy định hiện hành tại Thông tư số 21/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện và các Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sau này.